

GẮN BÓ VỚI CHA MẸ CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

ATTACHED TO PARENTS OF FIRST - YEAR STUDENTS AT VAN LANG UNIVERSITY

TRẦN THU HÀ^(*) và HUỖNH THANH NGÂN^(**)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 08-02-2025 Ngày biên tập xong: 25-02-2025 Ngày duyệt đăng: 22-3-2025 Mã số: TCKH50-05-2025 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: gắn bó; trao quyền tự quyết; sự hài lòng; sinh viên năm nhất; cha mẹ. Key words: attached; empowerment of self-determination; satisfaction; first-year students; parents.	Gắn bó là sự kết nối về mặt tình cảm. Tính đến nay, các nghiên cứu về gắn bó chỉ tập trung vào nghiên cứu gắn bó của trẻ em với cha mẹ. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất. Để thực hiện mục đích trên, nghiên cứu tiến hành khảo sát sinh viên năm nhất trường Đại học Văn Lang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, gắn bó với cha mẹ của sinh viên biểu hiện ở sự hài lòng với cha mẹ, được cha mẹ trao quyền tự quyết; đồng thời có sự khác biệt giữa gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên, có sự khác biệt về gắn bó với cha mẹ giữa sinh viên thuộc các giới tính và các ngành học khác nhau. ABSTRACT: Attachment is an emotional connection. Up to now, studies on attachment have focused on children's attachment to their parents. This study researchs to attached to parents of first-year students. To achieve this purpose, the study conducted a survey of first-year students at Van Lang University. The results of the study showed that students' attachment to their parents is expressed in their satisfaction with their parents and their parents' empowerment; simultaneously, there is a difference between students' attachment to their fathers and their attachment to their mothers, there is a difference in attachment to their parents between students of different genders and majors.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 1969, John Bowlby là người đầu tiên đề xuất khái niệm về gắn bó. Theo ông, gắn bó là những mối liên kết tình cảm sâu sắc giữa con người với con người. Thuyết gắn bó của Bowlby là khởi nguồn cho những nghiên cứu về gắn bó của con với cha mẹ [4]. Dựa trên thuyết gắn bó, Ainsworth và

các cộng sự cho rằng, gắn bó là mối ràng buộc tình cảm lâu dài thúc đẩy hoạt động tự chủ của con thay vì sự phụ thuộc vào cha mẹ [12, tr.437]. Đồng quan điểm, tác giả Ramsdal cũng đưa ra khái niệm gắn bó của con với cha mẹ là kết nối cảm xúc lâu dài, sâu sắc và ổn định được hình thành trong quá trình tương tác giữa cha mẹ và con [9, tr.523].

(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, ha.tt@vlu.edu.vn

(**) CN. huynhthanhngan@gmail.com

Các tác giả trong nước nghiên cứu về gắn bó cũng xây dựng những định nghĩa tương tự. Theo họ, “gắn bó” là làm cho mối quan hệ có kết nối về tinh thần và khó có thể tách rời nhau; hay “gắn bó mẹ con” là mối quan hệ thân thiết, bền vững dựa trên cơ sở tình cảm bao dung của người mẹ. Gắn bó này có sự ràng buộc cảm xúc sâu sắc, lâu dài giữa mẹ và trẻ [2]. Như vậy, các nghiên cứu về gắn bó đều dựa trên quan điểm của Bowlby về gắn bó là liên kết tình cảm. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi xác định, gắn bó với cha mẹ của sinh viên là sự kết nối tình cảm bộc lộ ở 3 biểu hiện: Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con, cha mẹ trao quyền tự quyết cho con và con hài lòng với cha mẹ. Khi cá nhân tạo dựng nền tảng an toàn, tâm lý đủ vững chắc từ gia đình trong những năm đầu đời thì lớn lên, cảm giác đối diện với những căng thẳng trong môi trường mới sẽ trở nên dễ chịu hơn [13, tr.330]. Gắn bó không chỉ ảnh hưởng mối quan hệ cha mẹ và con trong giai đoạn tuổi thơ của con mà còn ảnh hưởng đến cả khi con đã khôn lớn, đặc biệt là giai đoạn sinh viên [14].

Lứa tuổi sinh viên xuất hiện những đặc điểm nổi bật về tâm lý và hoạt động, đây là giai đoạn cuối cùng của việc tự xác định bản thân và giai đoạn đầu của sự phát triển nghề nghiệp tương lai. Tuy sinh viên năm nhất bước vào môi trường đại học có xu hướng độc lập một cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần đến sự giúp đỡ của gia đình. Khi sinh viên phải đối mặt với căng thẳng từ tài chính hoặc thay đổi môi trường sống nếu nhận được sự hỗ trợ từ cha mẹ thì có thể điều chỉnh cảm xúc và giải tỏa căng thẳng. Sinh viên năm nhất mặc dù đã có sự chín muồi về nhận thức, hành vi và khả năng độc lập nhưng còn nhiều vấn đề chưa thể tự giải quyết như tài chính, căng thẳng trong học tập/cuộc sống... nên vẫn có gắn bó nhất định với cha mẹ, việc gắn bó với cha mẹ có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của sinh viên.

Xét trong xã hội Việt Nam hiện nay, cấu trúc của gia đình ngày càng đơn giản theo xu hướng hạt nhân hóa (gia đình chỉ có cha mẹ và con). Số liệu thống kê của nghiên cứu về thể hệ trẻ, 80% người Việt trẻ được khảo sát đồng ý rằng, họ cảm thấy cha mẹ mình nhìn chung là đúng - bởi vì cha mẹ thường có nhiều kinh nghiệm hơn, giáo dục của cha mẹ tác động đến quyết định và hành động của con. Báo cáo nghiên cứu thể hệ trẻ Việt Nam cũng có kết quả tương tự, người Việt trẻ (từ 16-30 tuổi) có sự gắn bó nhiều với cha mẹ do chịu ảnh hưởng từ cha mẹ khi họ cần lời khuyên và đưa ra các quyết định quan trọng [10]. Tác giả Trần Thị Thu Mai nghiên cứu trên lứa tuổi thanh niên sinh viên nhận thấy, kinh nghiệm tình cảm và sự an toàn trong mối quan hệ với cha mẹ sẽ tác động đến khả năng sinh viên hình thành mối quan hệ thân thiết trong xã hội [3].

Như vậy, cha mẹ có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học. Nếu sinh viên gắn bó với cha mẹ sẽ tìm kiếm lời khuyên hay hỗ trợ từ cha mẹ để đối mặt với căng thẳng trong quá trình học tập nghề nghiệp và phát triển các mối quan hệ xã hội. Thực tế các nghiên cứu hiện nay về gắn bó của con với cha mẹ tập trung vào nhóm khách thể là trẻ em, độ tuổi khách thể là sinh viên thường được gộp chung với thanh thiếu niên hoặc người trưởng thành trẻ; ít có nghiên cứu đề cập rõ nghiên cứu trên sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Trong khi đó, với sinh viên năm nhất, những tác động từ phía cha mẹ có thể để lại ấn tượng sâu đậm, ảnh hưởng tới tất cả các hoạt động của họ; sự hỗ trợ kịp thời của cha mẹ có thể làm củng cố khả năng điều chỉnh và phục hồi cảm xúc tích cực cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Việc nghiên cứu gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất để xác định rõ thực trạng gắn bó giúp các bên liên quan trong Nhà trường hiểu rõ hơn về vai trò của gia đình, từ đó có những biện pháp kết nối với gia đình phù hợp nhằm tạo điều kiện cho

sinh viên năm nhất cải thiện sự gắn bó với cha mẹ là cần thiết. Vì thế, nhóm chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: “*Gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất trường Đại học Văn Lang*”.

2. NỘI DUNG

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang. Chúng tôi lựa chọn được ngẫu nhiên 125 sinh viên với 67 sinh viên nam (chiếm tỷ lệ 53,6%) và 58 sinh viên nữ (chiếm tỷ lệ 46,4%). Khách thể tình nguyện tham gia vào nghiên cứu, không có sự ép buộc hay cưỡng chế. Các sinh viên đều học năm nhất thuộc 3 khối ngành của Trường Đại học Văn Lang, với tỷ lệ phân bố tương đối đồng đều, gồm: Khối ngành Xã hội – Nhân văn chiếm 36%, khối ngành Kỹ thuật chiếm 28%, khối ngành Kinh tế chiếm 36%. Những số liệu này đã thể hiện không có chênh lệch nhiều về tỷ lệ khách thể xét theo giới tính cũng như ngành học. Trong 125 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, tỷ lệ sinh viên đang sống cùng cha mẹ chiếm cao nhất (48%); chỉ có 2% sinh viên đang sống cùng cha và 4% sinh viên đang sống cùng mẹ; tỷ lệ sinh viên đang sống cùng người thân (không phải cha mẹ) là 18,4%; 28,4% sinh viên đang sống một mình hoặc sống cùng bạn.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Khi nghiên cứu biểu hiện gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất, chúng tôi kế thừa các nghiên cứu trước về gắn bó con với cha mẹ thể hiện ở những biểu hiện: Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con (5 item), cha mẹ trao quyền tự quyết cho con (9 item) và con hài lòng với cha mẹ (5 item). Thang đo biểu hiện gắn bó gồm 19 câu hỏi (19 item) đánh giá mức độ cảm

nhận của người được khảo sát. Mỗi câu trả lời được cho điểm số từ 1 -> 5 điểm tương ứng với 5 bậc trên thang Likert từ “không bao giờ” (1 điểm) -> “rất thường xuyên” (5 điểm). Các mục được đánh giá trên thang điểm 5 bậc. Giá trị khoảng cách tính theo công thức: (giá trị lớn nhất – giá trị nhỏ nhất)/số bậc = $(5 - 1)/5 = 0,8$. Mỗi mức độ có khoảng cách là 0,8. Do đó, các mức độ điểm tương ứng là: 1,00 – 1,80 “không bao giờ”; 1,81 – 2,60 “hiếm khi”; 2,61 – 3,40 “thỉnh thoảng”; 3,41 – 4,20 “thường xuyên”; 4,21 – 5,00 “rất thường xuyên”.

Trên cơ sở lý luận của đề tài, chúng tôi xây dựng phiếu khảo sát chính thức gồm các phần: 1) Thông tin chung của đối tượng tham gia làm khảo sát, gồm: Giới tính, ngành học, chỗ ở; 2) Thang đo biểu hiện gắn bó với cha mẹ của sinh viên. Để đánh giá độ tin cậy của phiếu hỏi chúng tôi tiến hành khảo sát thử trên 50 sinh viên năm nhất (thu về 44 phiếu hợp lệ). Sau đó, chúng tôi tiến hành phát phiếu khảo sát chính thức trên 150 sinh viên năm nhất (thu về 125 phiếu hợp lệ).

Để xử lý dữ liệu nghiên cứu, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Chúng tôi áp dụng phân tích thống kê mô tả để có các số liệu liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

2.3 Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Kết quả biểu hiện gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất

Nghiên cứu khảo sát nhận định của sinh viên về gắn bó với cha mẹ thể hiện ở 3 biểu hiện lớn, gồm: cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con (5 item), cha mẹ trao quyền tự quyết cho con (9 item) và con hài lòng với cha mẹ (5 item). Kết quả thu được ở Bảng 1 như sau:

Bảng 1. Biểu hiện gắn bó với cha mẹ của sinh viên

Các biểu hiện của gắn bó	ĐTB	Thứ bậc
Biểu hiện lớn 1: Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con	3,72	
1. Cha mẹ là người phát hiện đầu tiên khi con gặp khó khăn	3,37	17
2. Cha mẹ sẵn sàng động viên và hỗ trợ khi con gặp khó khăn	3,85	9
3. Cha mẹ khiến bạn cảm thấy tin tưởng và an tâm khi đối mặt với căng thẳng	3,89	6

Các biểu hiện của gắn bó	ĐTB	Thứ bậc
4. Cha mẹ chú ý đến cảm xúc, suy nghĩ của con khi con gặp khó khăn	3,73	14
5. Cha mẹ chấp nhận sự khác biệt của con về tính cách/sở thích/mong muốn (dù trái ngược với mong muốn của họ)	3,76	13
Biểu hiện lớn 2: Cha mẹ trao quyền tự quyết cho con	3,86	
6. Cha mẹ khuyến khích con tự trải nghiệm khó khăn	3,86	8
7. Cha mẹ luôn tin tưởng vào khả năng tự giải quyết của con	3,68	16
8. Cha mẹ thúc đẩy con suy nghĩ độc lập	3,94	2
9. Cha mẹ khuyến khích bạn bày tỏ ý kiến của mình khi có mâu thuẫn/tranh cãi	3,83	10
10. Cha mẹ mong muốn con cùng bàn luận khi gia đình cần đưa ra các quyết định quan trọng	3,71	15
11. Cha mẹ cho con cơ hội được tự quyết định mọi việc	3,80	11
12. Cha mẹ giúp con nhìn nhận về lợi ích và hậu quả nếu con có quyết định về việc nào đó	4,00	1
13. Cha mẹ cho con có cơ hội chịu trách nhiệm về hành vi của mình	4,00	1
14. Cha mẹ giúp con có khả năng tự đưa ra lựa chọn và không cần sự giúp đỡ từ họ	3,88	7
Biểu hiện lớn 3: Con hài lòng với cha mẹ	3,85	
15. Cha mẹ là người đầu tiên đáp ứng nhu cầu khi con có mong muốn	3,90	5
16. Cha mẹ tôn trọng cảm xúc (giận dữ, buồn bã,...) và cố gắng hiểu nhu cầu của con thông qua hành vi con thể hiện bên ngoài	3,71	15
17. Cha mẹ khiến con cảm thấy được tôn trọng và được tin tưởng khi tương tác cùng	3,79	12
18. Cha mẹ dành cho con nhiều sự quan tâm như con muốn	3,93	3
19. Cha mẹ thường xuyên công nhận khi con làm tốt điều gì đó	3,91	4

Nguồn: Tác giả khảo sát

Bảng 1, trình bày biểu hiện gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất, các biểu hiện này đều xuất hiện ở mức “thường xuyên” với điểm trung bình trong khoảng (ĐTB: 3,37-4). Trong đó, gắn bó thể hiện ở việc “cha mẹ trao quyền tự quyết cho con” đạt mức cao nhất (ĐTB: 3,86) với hai yếu tố (item) đều đạt (ĐTB: 4) là “cha mẹ giúp con nhìn nhận về lợi ích và hậu quả nếu con có quyết định về việc nào đó” và “cha mẹ cho con có cơ hội chịu trách nhiệm về hành vi của mình”. Kết quả này phù hợp với nhận định của tác giả Trương Thị Khánh Hà khi cho rằng: giao tiếp với người lớn ảnh hưởng đến quá trình tự xác định và hình thành nhân cách của thanh niên sinh viên. Cha mẹ vẫn có vai trò khuyến khích và thúc đẩy tính độc lập trong giai đoạn thanh niên, mặc dù thanh niên có xu hướng độc lập hơn và hình thành mối quan hệ với bạn bè [1].

Kết quả nghiên cứu từ bảng 1 cũng cho thấy, gắn bó của sinh viên với cha mẹ còn thể hiện ở việc “sinh viên thường xuyên hài lòng với cha

mẹ” (ĐTB: 3,85) vì “cha mẹ dành cho con nhiều sự quan tâm” (ĐTB: 3,93) và “cha mẹ là người đầu tiên đáp ứng nhu cầu của con” (ĐTB: 3,9). Các số liệu này tương đồng với các nghiên cứu trước đây về gắn bó với cha mẹ của thanh niên sinh viên. Nghiên cứu của Arnett, phân tích độ tuổi đầu trưởng thành là thời gian cá nhân tiếp thu kiến thức nghề nghiệp, giao lưu kết bạn và phát triển sự độc lập tự chủ dần tách biệt ra khỏi gia đình gốc. Dù ít phụ thuộc vào cha mẹ về mặt cảm xúc và hành vi hơn, nhưng người trưởng thành trẻ vẫn chưa phải là những cá nhân tự chủ hoàn toàn, vì vậy, họ cần duy trì sự gắn bó với cha mẹ. Sự gắn bó với cha mẹ của sinh viên trong những năm đầu khi vào học đại học vẫn sẽ ảnh hưởng đến cách sinh viên tiếp nhận các quy định xã hội [11]. Nghiên cứu của Yin và các cộng sự cũng khẳng định, cha mẹ hỗ trợ mạnh mẽ sinh viên trong giai đoạn học đại học, thúc đẩy sự tin tưởng vào cha mẹ của sinh viên, giảm bớt sự xa cách của sinh viên với cha mẹ [15]. Có thể nói, sinh viên năm

nhất vẫn còn phụ thuộc vào cha mẹ về nhiều mặt trong cuộc sống nên gắn bó của sinh viên với cha mẹ là cần thiết.

2.3.2. Kết quả khác biệt giữa gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên năm nhất

Nghiên cứu không chỉ phân tích biểu hiện và mức độ gắn bó của sinh viên với cha mẹ mà còn nghiên cứu sự khác biệt giữa gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên năm nhất. Số liệu được trình bày ở bảng 2 sau:

Bảng 2. Sự khác biệt giữa gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên

Biểu hiện gắn bó		Tổng	Tỷ lệ (%)
Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con	Cha	12	9,6
	Mẹ	113	90,4
Cha mẹ trao quyền tự quyết cho con	Cha	56	44,8
	Mẹ	69	55,2
Con hài lòng với cha mẹ	Cha	38	30,4
	Mẹ	87	69,6

Nguồn: Tác giả khảo sát

Số liệu thống kê trong bảng trên thể hiện cả sinh viên nam và sinh viên nữ nhận định về những biểu hiện gắn bó với cha mẹ có sự khác biệt đáng kể giữa cha và mẹ. Đặc biệt là biểu hiện “nhạy cảm với vấn đề của con”, có 90,4% sinh viên cho rằng là mẹ, chỉ có 9,6% sinh viên cho rằng là cha. Có lẽ vì thế mà tỷ lệ sinh viên “hài lòng với mẹ” (69,6%) cao gấp đôi tỷ lệ sinh viên “hài lòng với cha” (30,4%). Chỉ có

vấn đề “cha mẹ trao quyền tự quyết cho con” là sinh viên cho rằng có sự tương đương giữa cha và mẹ, với tỷ lệ là 44,8% sinh viên khẳng định cha cho quyền tự quyết và 55,2% sinh viên khẳng định mẹ cho quyền tự quyết.

Các kết quả trên đồng nhất với số liệu thống kê điểm trung bình của những khía cạnh gắn bó với cha mẹ của sinh viên được thể hiện ở bảng 3 sau:

Bảng 3. Điểm trung bình gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên

Biểu hiện gắn bó		ĐTB	t	p
Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con	Cha	3,45	-7,02	0,00
	Mẹ	3,98		
Cha mẹ trao quyền tự quyết cho con	Cha	3,89	-0,83	0,40
	Mẹ	3,94		
Con hài lòng với cha mẹ	Cha	3,65	-4,92	0,00
	Mẹ	4,04		

Nguồn: Tác giả khảo sát

Các nghiên cứu trước đây đã phân tích, mẹ là người được sinh viên đánh giá cao hơn ở sự nhạy cảm và hài lòng. Cụ thể, tất cả những vấn đề trong cuộc sống của sinh viên, kể cả khi có khó khăn hay sinh hoạt bình thường, mẹ luôn là người được sinh viên nhận định là dễ tiếp cận và thấu hiểu hơn so với cha [5, tr.73]. Sự gắn bó với cha có thể tốt hơn khi thảo luận về định

hướng tương lai; còn trong mối quan hệ, mẹ như nguồn an ủi và hỗ trợ tinh thần cho sinh viên [6].

So với các nghiên cứu của Gentzler, Gordon và các cộng sự đã thực hiện, nghiên cứu của chúng tôi cũng cho ra kết quả tương đồng khi mẹ là người được sinh viên năm nhất lựa chọn có nhiều mối liên hệ với sinh viên nhất. Có sự khác biệt trung bình có ý nghĩa giữa cha và mẹ khi xét tổng điểm trung bình

của 5 yếu tố (item) thuộc biểu hiện “cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con”. Điểm trung bình của mẹ cao hơn điểm trung bình của cha ($t = -7,02$; $p < 0,05$). Đồng thời cũng có sự khác biệt trung bình có ý nghĩa giữa cha và mẹ trong tổng điểm trung bình 5 yếu tố (item) thuộc biểu hiện “con hài lòng với cha mẹ”. Điểm trung bình của mẹ cũng cao hơn điểm trung bình của cha ($t = -4,92$; $p < 0,05$). Điểm trung bình 2 biểu hiện của gắn bó là “cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con”, “con hài lòng với cha mẹ” giữa cha và mẹ chênh lệch lần lượt là 0,53 và 0,39. Như vậy, với sinh viên năm nhất, sự gắn bó với mẹ là cao hơn cha ở phương diện “nhạy cảm và hài lòng”. Vấn đề này có thể lý giải do sự khác biệt giữa cha và mẹ về ảnh hưởng, cũng như hỗ trợ con. Sự hỗ trợ từ mẹ thường là hỗ trợ tinh thần khi con có cảm giác cô đơn. Sự hỗ trợ từ cha liên quan đến cách đối phó vấn đề và thúc đẩy trách nhiệm cá nhân trong môi trường xã hội. Sự ảnh hưởng của cha gắn liền với kỷ luật và toàn quyền quyết định mọi việc. Người mẹ là người chăm sóc chính và thường xuyên tương tác với con nhiều hơn [7, tr.50].

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy, không có sự khác biệt quá nhiều

giữa gắn bó với cha và gắn bó với mẹ của sinh viên năm nhất ở biểu hiện “cha mẹ trao quyền tự quyết”. Điểm trung bình của 9 yếu tố (item) thuộc biểu hiện trao quyền tự quyết ở mẹ tương đương với cha ($t = -0,83$; $p > 0,05$). Khi cha mẹ trao quyền tự quyết cho con tức là cha mẹ thúc đẩy tính độc lập của con và thúc đẩy hành vi tự chủ của con. Biểu hiện này giúp sinh viên phát triển được tính tự lập mà vẫn gắn bó với cha mẹ. Đúng như quan điểm của Ainsworth, sự gắn bó với cha mẹ cần có sự phát triển song song giữa sự gần gũi tình cảm và sự tách biệt nhằm đảm bảo phát triển của con. Cha mẹ thúc đẩy quyền tự chủ của con tức là sẽ làm giảm các tương tác nhằm quản lý cuộc sống hằng ngày của cha mẹ với con. Khi đó, kết nối giữa cha mẹ và con vẫn tiếp tục được duy trì [12].

2.3.3. *Kết quả khác biệt gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất xét theo giới tính và khối ngành học*

Khi nghiên cứu thực trạng gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất, Trường Đại học Văn Lang, chúng tôi cũng khảo sát sự khác biệt trong gắn bó với cha mẹ giữa sinh viên thuộc các giới tính khác nhau và các khối ngành học khác nhau. Số liệu nghiên cứu thể hiện ở bảng 4, bảng 5:

Bảng 4. So sánh khác biệt gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất xét theo giới tính

Biểu hiện gắn bó	Giới tính	ĐTB	t	p
Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con	Nam	1,86	-1,56	0,12
	Nữ	1,89		
Cha mẹ trao quyền tự quyết cho con	Nam	1,41	-3,35	0,00
	Nữ	1,70		
Con hài lòng với cha mẹ	Nam	1,59	-2,63	0,00
	Nữ	1,81		

Nguồn: Tác giả khảo sát

Từ số liệu bảng trên, xét theo giới tính, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên nam và sinh viên nữ về gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện “cha mẹ trao quyền tự quyết” và “con hài lòng với cha mẹ” ($p < 0,05$). Xét biểu hiện

gắn bó ở khía cạnh “cha mẹ là người trao quyền tự quyết cho con”, sinh viên nữ lựa chọn cha mẹ trao quyền tự quyết (ĐTB: 1,70) nhiều hơn sinh viên nam (ĐTB: 1,41) ($t = -3,35$, $p = 0,00$). Xét biểu hiện gắn bó ở khía cạnh “con

hài lòng với cha mẹ”, sinh viên nữ hài lòng với cha mẹ (ĐTB: 1,81) nhiều hơn sinh viên nam (ĐTB: 1,59) ($t = -2,63$, $p = 0,00$). Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên nam và sinh viên nữ về gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện “cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con” ($p = 0,12$). Những số liệu thống kê này tương đồng với các nghiên cứu của Kassamali và cộng sự vào năm 2014. Nhóm tác giả cho

rằng, nữ có sự liên hệ với cha mẹ để tìm kiếm sự giúp đỡ nhiều hơn nam khi phải thích nghi với môi trường mới; nam thường tìm hỗ trợ của cha mẹ, đặc biệt là phải khi đối mặt với căng thẳng thi cử, khi cần đưa ra lời khuyên về giải quyết vấn đề. Sinh viên nữ có sự gắn gũi với cha mẹ và đánh giá chất lượng gắn bó với cha mẹ tích cực hơn sinh viên nam [8].

Bảng 5. So sánh khác biệt gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất xét theo khối ngành học

Biểu hiện gắn bó	Khối ngành	ĐTB	F/Welch	p
Cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con	Xã hội – Nhân văn	1,91	1,86	0,20
	Kỹ thuật	1,82		
	Kinh tế	1,95		
Cha mẹ trao quyền tự quyết cho con	Xã hội – Nhân văn	1,66	4,73	0,01
	Kỹ thuật	1,34		
	Kinh tế	1,60		
Con hài lòng với cha mẹ	Xã hội – Nhân văn	1,77	1,23	0,00
	Kỹ thuật	1,40		
	Kinh tế	1,84		

Nguồn: Tác giả khảo sát

Kết quả thống kê ở bảng 5 cho thấy, sự khác biệt trong gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất ở 3 biểu hiện, xét theo giới tính tương tự sự khác biệt trong gắn bó với cha mẹ của sinh viên năm nhất ở 3 biểu hiện, xét theo khối ngành học tại Trường Đại học Văn Lang. Đó là, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên năm nhất học ở 3 khối ngành Xã hội – Nhân văn, Kỹ thuật và Kinh tế về gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện “cha mẹ trao quyền tự quyết” và “con hài lòng với cha mẹ” ($p < 0,05$). Cụ thể, sinh viên thuộc khối ngành Xã hội – Nhân văn có sự gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện được cha mẹ trao quyền tự quyết và hài lòng với cha mẹ là cao nhất (ĐTB lần lượt là 1,66 và 1,77). Ngược lại, sinh viên thuộc khối ngành Kỹ thuật có sự gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện được cha mẹ trao quyền tự quyết và hài lòng với cha mẹ là thấp nhất (ĐTB lần lượt là 1,34 và 1,40). Thực trạng này có thể được lý giải bởi sự

khác biệt về đặc điểm tâm lý của sinh viên từng ngành học. Ngoài ra, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa sinh viên học 3 khối ngành về gắn bó với cha mẹ ở biểu hiện “cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của con” ($p = 0,20$)

3. KẾT LUẬN

Đề tài nghiên cứu đã góp phần làm phong phú chủ đề nghiên cứu về gắn bó của sinh viên năm nhất. Từ những kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên năm nhất mặc dù đã bước vào môi trường học tập mới là đại học và có những sự trưởng thành nhất định về tính tự lập nhưng vẫn có những gắn bó với cha mẹ ở mức “thường xuyên”. Sự gắn bó đó có được là do sinh viên được cha mẹ trao cho quyền tự quyết (ĐTB: 3,86), cha mẹ nhạy cảm với vấn đề của sinh viên (ĐTB: 3,72) nên sinh viên hài lòng với cha mẹ (ĐTB: 3,85) tạo ra những liên kết tình cảm sâu sắc giữa cha mẹ với sinh viên.

Những biểu hiện của sự gắn bó này đã khẳng định ảnh hưởng nhất định của cha mẹ đến sinh viên năm nhất.

Các số liệu thống kê trong đề tài cũng thể hiện sự khác biệt về mức độ gắn bó với cha và với mẹ của sinh viên. Khách thể nghiên cứu đều lựa chọn gắn bó với mẹ nhiều hơn cha ở biểu hiện nhạy cảm và hài lòng ($p < 0,05$); có tới 90,4% sinh viên cho rằng, mẹ nhạy cảm với vấn

đề của con” hơn. Gắn bó với cha của sinh viên được bộc lộ chủ yếu ở việc cha cho con quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm... Ngoài ra, sự khác biệt trong gắn bó còn thể hiện ở đặc điểm giới tính và khối ngành học. Sinh viên nữ năm nhất gắn bó với cha mẹ nhiều hơn sinh viên nam năm nhất. Sinh viên học khối ngành Xã hội – Nhân văn gắn bó với cha mẹ cao hơn so với sinh viên của 2 khối ngành Kỹ thuật và Kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Thị Khánh Hà (2022), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Vũ Thúy Hoàn (2022), *Gắn bó mẹ con và sự phát triển cảm xúc của trẻ em lứa tuổi mầm non*. *Tạp chí Khoa học số 61/22*, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội.
- [3] Trần Thị Thu Mai (2013), *Giáo trình Tâm lý học người trưởng thành*, Nxb Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Bowlby, J (1969), *Attachment and loss*: Vol. 1. Loss. Vol. 1.
- [5] Gentzler, A. L., Oberhauser, A. M., Westerman, D., & Nadorff, D. K (2011), *College students' use of electronic communication with parents: Links to loneliness, attachment, and relationship quality*, *Cyberpsychology, Behavior and Social Networking*, 14(1-2).
- [6] Gordon, M. S., & Cui, M (2012). *The effect of school-specific parenting processes on academic achievement in adolescence and young adulthood*, *Family Relations*, 61(5).
- [7] Mestechkina, T., Son, N. D., & Shin, J. Y (2013), *Parenting in Vietnam*. In *Parenting across cultures: Childrearing, motherhood and fatherhood in non-western cultures*, Dordrecht: Springer Netherlands.
- [8] Kassamali, N., & Rattani, S. A (2014), *Factors that affect attachment between the employed mother and the child, infancy to two years*, *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 159, doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.12.319.
- [9] Ramsdal, G., Bergvik, S., & Wynn, R (2015), *Parent-child attachment, academic performance and the process of high-school dropout: A narrative review*, *Attachment & Human Development*, 17(5).
- [10] Love Frankie & IRL (Indochina Research Ltd) (2020), *Báo cáo nghiên cứu thể hệ trẻ Việt Nam*, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/ngghien-cuu-the-he-tre-viet-nam.pdf>, ngày truy cập: 03-02-2025.
- [11] Arnett, J. (2000), *Emerging adulthood: A theory of development from the late teens through the twenties*, *American psychologist*, 55(5), 469. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.5.469>, ngày truy cập: 06-02-2025.
- [12] Ainsworth, M. D. S (2010), *The bowlby-ainsworth attachment theory*, *Behavioral and brain sciences*, 1(3), <https://doi.org/10.1017/S0140525X00075828>, ngày truy cập: 02-02-2025.
- [13] Holmbeck, G. N., & Hill, J. P (1986), *A path-analytic approach to the relations between parental traits and acceptance and adolescent adjustment*. *Sex Roles*, 14(5-6), <https://doi.org/10.1007/BF00287582>, ngày truy cập: 03-02-2025.
- [14] Kenny, M. E., & Sirin, S. R (2011), *Parental attachment, self-worth, and depressive symptoms among emerging adults*. *Journal of Counseling & Development*, 84(1), <https://doi.org/10.1002/j.1556-6678.2006.tb00380.x>, ngày truy cập: 03-02-2025.
- [15] Yin, H., Qian, S., Huang, F., Zeng, H., Zhang, C. J., & Ming, W. K. (2021), *Parent-Child attachment and social adaptation behavior in chinese college students: the mediating role of school bonding*, *Frontiers in Psychology*, 12, 711669. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.711669>, ngày truy cập: 05-02-2025.